

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt.

Nội dung đánh giá <i>(Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)</i>		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
A. YÊU CẦU CHUNG		
<ul style="list-style-type: none">Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau;Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam;Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao, đưa hàng hóa vào sử dụng;Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT		
1. Máy đo đường huyết cá nhân		
<ul style="list-style-type: none">Đo bằng phương pháp: Tối thiểu Kỹ thuật hóa điện cực.Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu.Độ chính xác $\geq 99,2\%$.với ≥ 3 mức cảnh báo đường huyết bằng màu sắc giúp dễ đọc, dễ hiểu kết quả đoTối thiểu kết nối dữ liệu với thiết bị di động/ máy tính bằng ứng dụng và cổng USB 2.0.Không cần chỉnh code.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<ul style="list-style-type: none"> - Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu, lấy máu 2 cạnh bên. - Loại mẫu máu: mao mạch - Thời gian đo: ≤ 5 giây, mẫu lấy máu: $\leq 0,4\mu\text{L}$. - Phạm vi đo lường Glucose: $\leq 20 - \geq 600$ mg/dL ($\leq 1,1 - \geq 33,3$ mmol/L), bộ nhớ ≥ 500 kết quả - Khoảng Hematocrit: $\leq 20 - \geq 60\%$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. 		
<p>2. Huyết áp kế</p>		
<p>* Huyết áp: Cấu hình tối thiểu gồm: 01 đồng hồ đo áp lực, 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí, 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm, 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm, 01 túi đựng giả da.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng bơm của đồng hồ (khoảng đo) : $\leq 20 \sim \geq 300$mmHg - Độ chính xác(sai số) : $\leq \pm 3$mmHg - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
<p>3. Ống nghe</p>		
<p>* Ống nghe tối thiểu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -01 bộ phận mặt nghe làm tối thiểu bằng nhôm, được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt - 01 Ống nghe hai tai làm tối thiểu bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - 01 Dây chữ Y làm tối thiểu bằng nhựa PVC <p>* Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
<p>4. Đèn khám bệnh</p>		
<p>* Tính năng sản phẩm: Đèn ánh sáng lạnh 1 lỗ, thẳng đứng và có thể di chuyển. Chiều cao có thể điều chỉnh trong khoảng từ $\leq 1,000$mm – $\geq 1,600$mm.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<p>Với khớp hình cầu, giá đỡ đèn thẳng đứng và có thể điều chỉnh sang 1 bên.</p> <p>Công tắc bàn đạp được lắp ở chân, để giúp đèn sử dụng thuận tiện hơn.</p> <p>* Ứng dụng:</p> <p>Khám tai, mũi họng, tiết niệu, sản phụ khoa</p> <p>Dùng làm đèn hộ trợ trong phòng mổ</p> <p>Công suất : $\geq 25W$</p> <p>Bóng đèn tối thiểu Halogen</p> <p>Nhiệt độ màu: $\geq 3000-500K$</p> <p>Độ sáng (5cm): $> 12000Lux$</p> <p>Có điều chỉnh chiều cao</p> <p>Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 4000 giờ</p>		
5. Cân sức khỏe có thước đo chiều cao		
<p>Tải trọng tối đa: $\geq 160kg$</p> <p>Phạm vi đo chiều cao: $\leq 70 \sim \geq 190cm$</p> <p>Đơn vị chiều cao: $\leq 0,5cm$</p> <p>Kích thước bệ $\geq 38,5 \times 28cm$</p> <p>Dạng đặt ở trên sàn, có thể di chuyển, mặt cân rõ ràng, chi tiết</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
6. Đèn khám treo trần (đèn clar)		
<p>Dây đeo, thoải mái, hỗ trợ làm việc trong thời gian dài.</p> <p>Bóng đèn LED trắng $\geq 3W$ cho độ sáng cao, tuổi thọ LED $> 50,000$ giờ</p> <p>Gương cầu có thể điều chỉnh độ gom sáng từ $\leq 1 - \geq 6cm$</p> <p>Pin dung lượng $> 2000mAh$, cho phép sử dụng liên tục được ≥ 8 giờ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
7. Bảng thử thị lực		
<p>Đèn thị lực chữ C</p> <p>Khoảng cách đọc: $\geq 5m$</p> <p>Bảng chữ</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Kích thước 29cm x 79cm Có dimmer điều chỉnh độ sáng Có lỗ treo tường Dây nguồn: 1m8 - ≥ 2 m Vỏ đèn tối thiểu bằng inox		
8. Máy khí dung		
Loại máy xông nén khí Nguồn điện tiêu thụ ≤ 220 VA Phụ kiện đi kèm tối thiểu gồm: Máy nén khí, bộ xông, ống dẫn khí (tối thiểu PVC 200cm), ống ngậm, mặt nạ người lớn (tối thiểu PVC), mặt nạ trẻ em (tối thiểu PVC), 5 miếng lọc dự phòng, hướng dẫn cách sử dụng Kích thước hạt: Khoảng 3 μ m MMAD* (MMAD = đường kính trung bình khí động học) Dung tích cốc: tối đa ≥ 7 ml Lượng thuốc thích hợp: ≤ 2 ml - ≥ 7 ml Tốc độ phun khoảng 0,4 ml/phút Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
9. Bình ô xy + Bộ làm ấm có đồng hồ + Mask thở ô xy		
1, Bình oxy Dung tích ≥ 10 lít : ≥ 01 Bình Trạng thái vật lý: Dạng khí; - Hàm lượng (% thể tích): $\geq 99,6\%$ - Quy cách đóng gói: Chứa trong bình/chai thép áp lực, đáp ứng tiêu chuẩn y tế, dung tích chai ≥ 10 lít. Có màng niêm phong ở cổ bình. - Áp suất nạp: ≥ 150 bar; - Áp suất sử dụng: ≥ 135 bar; - Tối thiểu Van QF-2A hoặc tương đương; - Độ dày vỏ bình: ≥ 3.6 mm; - Vật liệu: Tối thiểu 37Mn hoặc tương đương;	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
2, Đồng hồ oxy : ≥ 01 Bộ	Đáp ứng	Đạt

<p>Thiết bị tối thiểu bao gồm: 1 ống thở oxy, 1 bình tạo ẩm 200ml, 1 đồng hồ đo lưu lượng oxy trong bình, 1 cột đo lưu lượng khí oxy ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng dầu - Áp suất đầu vào: khoảng 15mPa - Áp suất đầu ra: khoảng 0.2 - 0.3mPa - Van an toàn $0.35 \pm 0.05\text{mPa}$ - Tốc độ dòng chảy: $\leq 1 - \geq 15\text{L/phút}$ 	Không đáp ứng	Không đạt
<p>3, Mask thở Oxy : ≥ 01 Cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu Làm từ nhựa PVC, an toàn dẻo, mềm mại, trong suốt - Mặt nạ oxy gồm mặt nạ có kẹp mũi có thể điều chỉnh được và dây thun đeo đàn hồi, dây nối có chiều dài $\geq 2\text{m}$, ống dây chống vặn xoắn Tốc độ dòng chảy cho mặt nạ oxy là từ ≤ 4 đến ≥ 8 LPM($\leq 4 - \geq 8\text{L/min}$). - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương. 	Đáp ứng	Đạt
<p>10. Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho người lớn - Mặt nạ thở người lớn cỡ số 5 - Bóng bóp tối thiểu bằng silicon thể tích $\geq 1600\text{ml}$ - Túi chứa khí $\geq 2700\text{ml}$ - Van giảm áp an toàn - Dây oxy dài $\geq 2\text{m}$ 	Đáp ứng	Đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở người lớn cỡ số 5 - Bóng bóp tối thiểu bằng silicon thể tích $\geq 1600\text{ml}$ - Túi chứa khí $\geq 2700\text{ml}$ - Van giảm áp an toàn - Dây oxy dài $\geq 2\text{m}$ 	Không đáp ứng	Không đạt
<p>11. Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần</p>		
<p>Dùng cho trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở người lớn cỡ số 3 - Bóng bóp tối thiểu bằng silicon thể tích $\geq 550\text{ml}$ - Túi chứa khí $\geq 2700\text{ml}$ - Van giảm áp an toàn 	Đáp ứng	Đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở người lớn cỡ số 3 - Bóng bóp tối thiểu bằng silicon thể tích $\geq 550\text{ml}$ - Túi chứa khí $\geq 2700\text{ml}$ - Van giảm áp an toàn 	Không đáp ứng	Không đạt

- Dây oxy dài $\geq 2m$		
12. Cáng tay		
Tối thiểu Chất liệu vải bạt, có một lớp chống thấm nước	Đáp ứng	Đạt
Tối thiểu Khung hộp kim kẽm	Không đáp ứng	Không đạt
Kích thước $\geq 1860 \times 510 \times 170mm$		
Một đầu có 2 bánh xe		
Có đai bảo vệ		
Tải trọng: $\geq 160 Kg$		
13. Xe tiêm		
- Chất liệu : Tối thiểu Inox 430	Đáp ứng	Đạt
- Kích thước: Dài x Rộng x Cao (650x450x800mm) ($\pm 5\%$)	Không đáp ứng	Không đạt
- Khung xe bằng hộp khoảng 20x20x0.8mm		
- Mặt xe tối thiểu bằng inox tấm $\geq 0.4mm$ gấp hình chữ nhật được dập liền thành khay		
-Toàn bộ mặt xe được bao quanh bởi 4 lan can hộp khoảng 10x10x0.8mm cao 50mm.		
- Xe có 4 bánh $\Phi 65$, 2 bánh có khóa hãm, 2 bánh trơn		
- Toàn bộ xe được hàn và được đánh bóng		
- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.		
14. Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ		
- Chất liệu: Tối thiểu Inox 430	Đáp ứng	Đạt
- Kích thước: Dài x Rộng x Cao (750x525x900mm) ($\pm 5\%$)	Không đáp ứng	Không đạt
- Khung xe bằng hộp khoảng 20x20x0.8mm		
- Mặt xe tối thiểu bằng inox tấm $\geq 0.4mm$ gấp hình chữ nhật được dập liền thành khay		
-Toàn bộ mặt xe được bao quanh bởi 4 lan can hộp khoảng 10x10x0.8mm cao 50mm.		
- Xe có 4 bánh $\Phi 65$, 2 bánh có khóa hãm, 2 bánh trơn		
- Toàn bộ xe được hàn và được đánh bóng		
- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.		

15. Bàn tiêu phẫu		
<p>- Chất liệu : Tối thiểu Inox bóng sáng BA Dài x rộng x cao $\geq 1800 \times 600 \times 700$ mm Chân bàn: Tối thiểu Inox hộp 30x30x0.8 mm Khung bàn: Tối thiểu Inox hộp 30x30x0.8 mm Mặt bàn tối thiểu Inox lá ≥ 0.6 mm</p> <p>- Tối thiểu bàn được chia làm 3 khúc có phần đầu nâng, phần thân giữa và thân cuối đều làm tối thiểu bằng inox tấm, sáng bóng BA.</p> <p>Phần nâng đầu, nâng hạ được từ 0^0 đến 45^0 điều chỉnh cao thấp bằng thanh răng, đột dập từ tấm inox dày 3 ly. Có nệm mút ≥ 50mm phù hợp với bàn khám. Bàn khám được đánh bóng sáng, kết cấu chắc chắn. Bàn được lắp ráp bằng ốc vít, chắc chắn. Tải trọng: ≥ 150kg</p> <p>- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
16. Bộ dụng cụ tiêu phẫu		
<p>- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương.</p> <p>Bộ dụng cụ tiêu phẫu tối thiểu bao gồm 25 chi tiết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cán dao số 3: 01 chiếc 2. Kéo thẳng nhọn 10cm: 01 chiếc 3. Kéo cong nhọn 10cm: 01 chiếc 4. Panh thẳng không máu 16cm: 01 chiếc 5. Panh thẳng có máu 16cm: 01 chiếc 6. Nĩa không máu 16cm: 01 chiếc 7. Nĩa có máu 16cm: 01 chiếc 8. Kim mang kim 16cm: 01 chiếc 9. Kẹp răng chuột 16cm: 01 chiếc 10. Đè lưỡi: 01 chiếc 11. Loa soi tai bộ 3: 01 bộ 12. Panh parabots 12cm: 01 đôi 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<p>13. Thông lòng máng 14cm: 01 chiếc</p> <p>14. Canuyn mở khí quản số 8: 01 chiếc</p> <p>15. Kẹp kéo lưỡi: 01 chiếc</p> <p>16. Kéo thẳng nhọn 16cm: 01 chiếc</p> <p>17. Troca: 01 chiếc</p> <p>18. Mở mũi người lớn: 01 chiếc</p> <p>19. Mở miệng chữ T: 01 chiếc</p> <p>20. Nia nha: 01 chiếc</p> <p>21. Cán dao số 7: 01 chiếc</p> <p>22. Lưỡi dao mổ số 11: 10 chiếc</p> <p>23. Lưỡi dao mổ số 15: 10 chiếc</p> <p>24. Kim khâu cong: 01 vi</p> <p>25. Hộp đựng dụng cụ 22,5x 12x5cm: 01 chiếc</p>		
17. Giá treo dịch truyền		
<p>- Chất liệu: Tối thiểu Inox bóng sáng BA</p> <p>- Kích thước dao động: Khoảng 1200 - 2000mm</p> <p>- Cọc truyền được kết cấu bởi phần thân làm bằng ống $\Phi 22 \times 0.8$mm. Bao ngoài là ống $\Phi 25 \times 0.8$mm, có vít hãm cố định dọc thân ống theo chiều cao có thể di chuyển độ dài. Phía trên có 2 móc tối thiểu bằng inox chắc chắn tải trọng ≥ 6kg.</p> <p>- Phần chân: Tối thiểu chia ra 3 nhánh được làm tối thiểu bằng hộp inox $30 \times 60 \times 0.8$mm có chiều dài từ trụ là 250mm, bánh xe.</p> <p>- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
18. Tủ đựng thuốc và dụng cụ		
<p>- Dài x rộng x cao $\geq 800 \times 400 \times 1600$mm. Tối thiểu khung tủ Inox hộp $25 \times 25 \times 0.6$</p> <p>- Gồm ≥ 2 khoang:</p> <p>+ Khoang trên cao khoảng 900mm có 2 cánh lắp kính màu trắng dày ≥ 5mm, có khóa, có chốt chắc chắn. Có 2 đợt kính dày ≥ 5mm.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<p>- Độ nhạy: + Độ nhạy là 10 KΩ khi điện trở đầu dò ở vào khoảng ≤ 10 KΩ đến ≥ 500 KΩ + Độ nhạy là 20 KΩ khi điện trở đầu dò ở vào khoảng ≤ 500 KΩ đến ≥ 1MΩ - Công suất tiêu thụ tổng cộng: ≤ 5W</p>	Không đáp ứng	Không đạt
22. Đèn hồng ngoại điều trị		
<p>Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn Chiều cao đèn: Khoảng 40 - 50cm. Cổ định vị xoay linh động đến 360 độ. Khoảng rộng 30cm + 30cm. Tối thiểu đuôi sứ E27 độ bền cao sử dụng tương tích với nhiều bóng đèn Có Dimmer tăng giảm ánh sáng Bóng đèn ≤ 60W - ≥ 250W</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
23. Máy Doppler tim thai		
<p>Máy nghe tim thai cầm tay với màn hình tối thiểu LCD và âm thanh được nâng cấp Hiện thị nhịp tim thai thời gian thực với 80% âm thanh được nâng cấp. Phím dừng Dừng thông số nhịp tim để ghi chép. Các hiển thị hữu ích tối thiểu: Hiện thị nhịp tim đo nhịp tim. Màn hình LCD nhấp nháy khi đo nhịp tim không ổn định. Hiện thị pin yếu. Đơn giản & an toàn để vận hành Tia cường độ thấp an toàn & hiệu quả. Đầu dò chống nước.</p>	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
24. Bàn để dụng cụ		
Kích thước: $\geq 500 \times 700 \times (750 - 1200)$ mm	Đáp ứng	Đạt

Tối thiểu mặt inox tấm dày $\geq 0.6\text{mm}$ Chân hộp khoảng $30 \times 60 \times 0.8\text{mm}$ Cọ ngoài khoảng $D32 \times 1\text{mm}$ Cọc trong khoảng $D 25 \times 1\text{mm}$ Bánh xe $D 65$ phanh 2 cái , khóa 2 cái	Không đáp ứng	Không đạt
25. Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh		
Cấu hình tối thiểu gồm: - Bàn chính: 01 Cái - Nệm mút: 01 cái - Bánh xe: 01 bộ * Thông số kỹ thuật - Kích thước (mm): Dài $\geq 1000\text{mm}$ x Rộng $\geq 600\text{mm}$ x Cao $\geq 900\text{mm}$ - Chân bàn tối thiểu bằng inox ống $\varnothing \geq 25\text{mm}$, dày $\geq 0,8\text{mm}$ - Mặt bàn tối thiểu inox tấm dày $\geq 0,6\text{mm}$ - Có 4 bánh xe (≥ 2 bánh xe có phanh)	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
26. Đèn khám đặt sàn (đèn gù)		
Công suất: $60\text{W} - \geq 100\text{W}$ Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn. Dây nguồn: $2\text{m}8 - \geq 3\text{m}$ Chiều cao: Khoảng $1\text{m} - 1,7\text{m}$ Cổ định vị xoay linh động đến gần 360° . Tối thiểu đuôi đèn E27 sử dụng tương tích với nhiều bóng đèn. Độ bền cao. Bóng đèn $\geq 60\text{W}$	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
27. Cân trẻ sơ sinh		
Phạm vi đo $\leq 500\text{g} - \geq 20\text{kg}$ Giá trị độ chia $\leq 50\text{g}$ Sai số tối thiểu : $\leq \pm 25\text{g}$ – tối đa : $\leq \pm 75\text{g}$ Tối thiểu mặt số nhựa ABS trắng tuyết: in lùa Đĩa : Tối thiểu nhựa PP	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Tối thiểu vỏ hộp cân và giá đỡ đĩa cân được sơn tĩnh điện. Tối thiểu vỏ sắt sơn tĩnh điện Tối thiểu mặt kính nhựa trong suốt Vòng chia kín		
28. Hộp vận chuyển bệnh phẩm		
– Kích thước bên ngoài (mm) : $\geq 335*225*205$. – Dung tích của phích đựng vắc xin: $\geq 12L$. – Chất liệu tối thiểu nhựa	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
29. Nồi hấp tiệt trùng		
- Tối thiểu cấu tạo bên trong bằng thép không gỉ, nắp đậy kín. Điều khiển microcomputer chu trình tự động. Tối thiểu có thể cài đặt nhiệt độ hấp ở $121^{\circ}C$ và $134^{\circ}C$. Điều khiển bằng các nút cảm ứng. Thêm nước. Chức năng bảo vệ tự động tối thiểu gồm: Bảo vệ quá nhiệt, quá áp, bảo vệ mực nước thấp, chống cháy khô. Có chuông kêu sau khi khử trùng, tự động dừng. Tự động xả hơi lạnh, tự động xả hơi sau khi tiệt trùng. Tích hợp bộ tạo hơi nước để cung cấp hơi nước bão hòa một cách nhanh chóng - Dung tích: ≥ 23 lít - Công suất: $\geq 2kW$ - Áp suất thiết kế: $\geq 0.25Mpa$ - Nhiệt độ thiết kế: $\geq 139^{\circ}C$ - Áp suất làm việc: $\geq 0.22Mpa$ - Nhiệt độ làm việc max: $\geq 134^{\circ}C$ - Thể tích buồng: $\geq \varnothing 250 \times 452$ mm - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
30. Tủ sấy		
- Nhiệt độ sấy: $\leq 50^{\circ}C - \geq 250^{\circ}C$ Hẹn giờ: 60phút với đèn báo chuông - Chế độ sấy: ≥ 3 chế độ: trên - dưới – toàn phần Kích thước trong buồng sấy: $\geq 52.2 \times 36 \times 32cm$	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Tối thiểu chất liệu thép $\geq 0.4\text{mm}$, lớp mạ kẽm $\geq 0.5\text{mm}$		
31. Bàn khám phụ khoa		
- Dài x rộng x Cao $\geq 1400 \times 720 \times 850$ mm - Chân bàn: Tối thiểu Inox ống F32x0.8 mm - Các thanh giằng tối thiểu: Inox ống F25x0.6, F22x0.6, F19x0.6 mm - Mặt bàn: Tối thiểu Inox lá dày $\geq 0.6\text{mm}$ - Kết cấu gồm 2 phần: + Phần đỡ lưng được nâng hạ bằng thanh răng inox dày 3 ly có thể điều chỉnh được từ $\leq 20 - \geq 60$ độ + Mặt khoét có lỗ bán nguyệt, tối thiểu có khay inox dùng để đựng dịch - Có giá đỡ chân để dàng lên xuống cho công tác chuyên môn. - Có bậc lên xuống tối thiểu làm bằng inox, tạo gờ thuận tiện cho bệnh nhân khám chữa bệnh. - Mỗi phần đều có nệm dày $\geq 50\text{mm}$, dễ dàng làm sạch - Tải trọng: $\geq 200\text{kg}$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
32. Bàn khám bệnh		
- Chất liệu : Inox bóng sáng BA Dài x rộng x cao $\geq 1800 \times 600 \times 700$ mm Tối thiểu chân bàn: Inox hộp 30x30x0.8 mm Tối thiểu khung bàn Inox hộp 30x30x0.8 mm Tối thiểu mặt bàn Inox lá dày 0.6 mm - Bàn được chia tối thiểu làm 2 khúc có phần đầu nâng, phần thân giữa đều làm tối thiểu bằng inox lá, sáng bóng BA. Phần nâng đầu, nâng hạ được từ 0 độ đến ≥ 45 độ điều chỉnh cao thấp bằng thanh răng, đột dập từ tối thiểu tấm inox dày ≥ 3 ly. Có nệm mút dày $\geq 50\text{mm}$ phù hợp với bàn khám. Bàn khám được đánh bóng sáng, kết cấu chắc chắn. Bàn được lắp ráp bằng ốc vít.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

Tải trọng: $\geq 150\text{kg}$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.		
33. Giường		
- Kích thước: $2050 \times 900 \times 1650\text{mm} \pm 5\%$ - Chất liệu: Tối thiểu Inox 201 - Tối thiểu giường bệnh nhân inox kèm theo dát inox và 2 cọc màn chữ U inox gắn liền với đầu và đuôi giường, phần nâng đầu bằng thanh răng từ $0 - \geq 45^\circ$ - Tối thiểu toàn bộ khung giường làm bằng inox hộp $30 \times 60 \times 0.7\text{mm}$ - Tối thiểu chân giường làm bằng inox $\Phi 32 \times 0.8\text{mm}$. - Tối thiểu đầu giường được kết cấu đan xen các nan bằng inox ống $\Phi 16\text{mm}$. - Dát giường được liên kết với phần đầu và chân giường bằng 4 nệm chót inox đột dập dày 3 ly. - Tải trọng: $\geq 200\text{kg}$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
34. Tủ đầu giường bệnh		
Chất liệu tối thiểu inox 430 - Tối thiểu tấm bọc bao quanh: Inox lá dày $\geq 0.45\text{mm}$ - Ngăn tủ: Tối thiểu Inox ống $\Phi 12 \times 0.6$, - Chân tối thiểu bằng cao su cứng gồm 4 phần: 1 lan can, 1 ngăn kéo, 1 hộc, 1 ngăn tủ có cánh - Khung tủ: Tối thiểu Inox hộp $25 \times 25 \times 0.6$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
35. Tủ bảo quản thuốc		
- Dài x rộng x cao: $\geq 800 \times 400 \times 1600\text{mm}$ - Chất liệu tối thiểu inox 430 - Khung tủ, khung cánh tủ: Tối thiểu Inox hộp $25 \times 25\text{mm}$	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<p>- Cánh, lưng, nóc, hồi tử: Tối thiểu Inox lá dày 0.5 mm Kính tử: Kính trắng dày ≥ 5 ly</p> <p>- Ngăn đựng thuốc độc riêng biệt bên trong có khoá. Tối thiểu gồm 2 khoang: + Khoang trên cao khoảng 900mm có 2 cánh lắp kính màu trắng dày ≥ 5mm, có khoá, có chốt chắc chắn. - Phía trên có ≥ 2 ngăn nhỏ AB trong có sàn nghiêng tối thiểu bằng inox thuận tiện khi để thuốc. Có khoá riêng chắc chắn. - Phía dưới có 1 sàn nghiêng tối thiểu bằng inox. + Khoang dưới cao khoảng 600mm có ≥ 2 cánh tối thiểu bằng inox, có chốt và khoá chắc chắn; có 1 sàn phẳng tối thiểu bằng inox. - Tối thiểu khung tử làm bằng inox hộp 25x25mm. - Tối thiểu khung cánh tử làm bằng inox hộp 10x20mm. - Tối thiểu cánh tử có tay nắm inox, đóng mở nhẹ nhàng . - Tối thiểu tử được làm bằng inox có độ bóng BA. - Tối thiểu các chân tử có đệm cao su - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001, ISO 14001 hoặc tương đương.</p>		
<p>36. Bộ dụng cụ khám phụ khoa</p>		
<p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Bộ dụng cụ tối thiểu gồm: Hộp $\geq 32 \times 16 \times 7$cm; Kẹp bông sản 25cm; Mỏ vịt tiêu; Mỏ vịt trung; Vam âm đạo 1 đầu</p>	<p>Đáp ứng</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không đáp ứng</p>	<p>Không đạt</p>
<p>37. Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung</p>		
<p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Bộ dụng cụ tối thiểu gồm: Hộp $\geq 32 \times 16 \times 7$cm; Kẹp bông sản 25cm; Mỏ vịt tiêu; Mỏ vịt trung; Vam âm đạo 1 đầu; Thước đo cổ tử cung.</p>	<p>Đáp ứng</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không đáp ứng</p>	<p>Không đạt</p>
<p>38. Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai</p>		

Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Hộp tối thiểu inox 32x16x7cm: ≥01 cái Kẹp bông sản 25cm: ≥01 cái Kẹp buzi 25cm: ≥01 cái Thước đo cổ tử cung: ≥01 cái Vam âm đạo 1 đầu: ≥01 cái	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
39. Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn		
Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Hộp 32x16x7cm: ≥01 cái Kéo thẳng nhọn 18cm: ≥01 cái Kéo thẳng tù 18cm: ≥01 cái Panh cong không máu 16cm: ≥01 cái Kẹp bông sản 25cm: ≥01 cái Kim mang kim 18cm: ≥01 cái Kim khâu: ≥01 ví	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
40. Bộ dụng cụ khám thai		
Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Bộ dụng cụ tối thiểu gồm: Ống nghe tim thai; Thước đo tử cung; Mỏ vịt trung; Thước dây 2m; Hộp 32x16x7cm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
41. Bộ dụng cụ đỡ đẻ		
Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. Bộ dụng cụ gồm: Hộp inox 32x16x7cm; Kéo thẳng tù 18cm; Panh thẳng tù 18cm; Panh thẳng có máu 20cm; Panh chữ S; Thông tiểu nữ.	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
42. Bộ hồi sức trẻ sơ sinh		
Dùng cho trẻ sơ sinh	Đáp ứng	Đạt

- Mặt nạ thở sơ sinh cỡ số 1 - Bóng bóp tối thiểu bằng silicon thể tích $\geq 280\text{ml}$ - Túi chứa khí $\geq 1000\text{ml}$	Không đáp ứng	Không đạt
43. Bộ dụng cụ nhổ răng sữa		
Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
Bộ dụng cụ tối thiểu bao gồm: Kim nhổ răng cửa hàm trên; Kim nhổ răng hàm trên; Kim nhổ răng hàm, hàm trên; Kim nhổ chân răng hàm trên; Kim nhổ răng cửa hàm dưới; Kim nhổ răng hàm dưới; Kim nhổ răng hàm, hàm dưới.	Không đáp ứng	Không đạt
44. Bộ khám ngũ quan		
Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Đạt
Môi trường hoạt động của thiết bị: nhiệt độ ≥ 30 độ C, độ ẩm $\geq 80\%$. + Đầu khám tai: ≥ 01 Chiếc + Đầu khám mắt chức năng điều chỉnh thấu kính: ≥ 01 Chiếc + Đầu khám mũi có chức năng điều chỉnh loa soi mũi: ≥ 01 Chiếc + Gọng dẫn quang cong để khám thanh quản: ≥ 01 Chiếc + Gương soi thanh quản số 3 và số 4: ≥ 02 Chiếc + Bộ phận kẹp giữ đèn lưỡi: ≥ 01 Chiếc + Bộ loa soi tai các cỡ số 2, 3, 4: ≥ 01 Chiếc + Cán pin trung: ≥ 01 Chiếc Hộp đựng bảo vệ cứng, với các khóa trượt an toàn, chắc chắn: ≥ 01 cái	Không đáp ứng	Không đạt
45. Bộ nẹp chân		
- Tối thiểu chất liệu gỗ tự nhiên, nhẵn bóng - Gồm nẹp gỗ ≥ 4 thanh - Kích thước : Dài 20 - 120cm	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
46. Bộ nẹp tay		

<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu chất liệu gỗ tự nhiên, nhẵn bóng - Nẹp gỗ ≥ 4 thanh - Kích thước : Dài 20 - 40cm 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
47. Bộ nẹp cổ		
<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong các trường hợp chấn thương cổ không cần đến cố định hoàn toàn, chỉ cố định nhẹ nhàng và hạn chế vận động. - Tối thiểu chất liệu mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí. 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
48. Tủ đựng tài liệu truyền thông		
<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế tủ tối thiểu gồm có 02 buồng. Trong đó: Phía trên là 02 khoang cánh mở khung kính để tài liệu; Phía dưới là 02 khoang cánh gỗ mở. - Kích thước: $\geq W800 \times D400 \times H1960$ mm - Chất liệu: Tối thiểu Gỗ công nghiệp 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
49. Tivi		
<ul style="list-style-type: none"> Kích thước màn hình: ≥ 32" Công nghệ màn hình: Tối thiểu LED Độ phân giải HD ($\geq 1366 \times 768$ Pixel) Cổng HDMI: ≥ 2 cổng HDMI Cổng xuất âm thanh tối thiểu gồm: 1 cổng 3,5mm, 1 cổng Optical (Digital Audio), 1 cổng eARC (ARC) Có 1 cổng USB Hệ điều hành: Android OS hoặc tương đương Remote tích hợp micro tìm kiếm bằng giọng nói 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
50. Loa, bộ âm thanh		
<ul style="list-style-type: none"> - Loa công suất $\geq 6W$, có nút điều chỉnh âm lượng trên dây. Tối thiểu Kết nối âm thanh qua jack cắm 3.5mm. Tối thiểu Kết nối nguồn qua cổng USB. Tối thiểu Tương thích với nhiều thiết bị: PC, laptop, TV, notebook, máy tính bảng, điện thoại, radio, mp3/mp4, ... 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt
51. Máy vi tính		

<ul style="list-style-type: none"> • Bộ VXL: Tối thiểu Core i3 12100 3.30GHz hoặc tương đương. • Bộ nhớ RAM: Tối thiểu 8GB DDR4 2933MHz • Ổ cứng: ≥ 256Gb SSD • Card đồ họa: Tối thiểu Intel UHD Graphics 730 hoặc tương đương. • Kết nối không dây tối thiểu gồm: Wi-Fi + Bluetooth • Hệ điều hành: Tối thiểu Windows 11 Home hoặc tương đương. Kiểu dáng: Case đứng Có kèm bàn di chuột - Màn hình <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước màn hình: ≥ 19.5 Inch • Độ phân giải: $\geq 1600 \times 900$ • Thời gian đáp ứng: ≤ 7ms • Tần số quét: ≥ 60Hz • Độ sáng: khoảng 200cd/m² Cổng giao tiếp tối thiểu gồm: 1 x HDMI 1.4, 1 x VGA/D-sub Phụ kiện kèm theo tối thiểu gồm: Cáp nguồn + cáp	Đáp ứng	Đạt
52. Máy in		
<ul style="list-style-type: none"> • Khổ giấy tối thiểu gồm: A4/A5 • In đảo mặt: Có • Cổng giao tiếp: tối thiểu USB Độ phân giải Lên đến $\geq 600 \times 600$ dpi <ul style="list-style-type: none"> • Dung mực tối thiểu: Black Original ($\geq 1,150$ pages), High Yield Black Original ($\geq 2,600$ pages) với độ phủ 5% theo tiêu chuẩn in của hãng hoặc tương đương 	Đáp ứng	Đạt
53. Bộ bàn, ghế văn phòng		
<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu bàn họp sử dụng khung thép sơn tĩnh điện, mặt gỗ Melamine. - Tối thiểu mặt bàn hình chữ nhật 4 góc vát cạnh - Tối thiểu chân bàn họp sử dụng khung thép dập định hình sơn tĩnh điện. 	Đáp ứng	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

<p>– Tối thiểu bàn có hệ thống hộp đi dây được tích hợp trên khung thép. Kích thước: $\geq W3000 \times D1200 \times H750$ (mm) Tối thiểu chất liệu: Gỗ Melamine, chân sắt. – Tối thiểu ghế khung thép sơn tĩnh điện. Đệm tựa bọc vải – Tối thiểu chân ghế có các đế nhựa tại phần tiếp xúc với sàn nhà giúp hạn chế trầy xước. Kích thước: $\geq W395 \times D455 \times H1040$ mm Tối thiểu chất liệu: Khung thép sơn tĩnh điện; đệm tựa bọc vải (01 Bàn + 08 ghế)</p>		
<p>54. Tủ đựng đồ cá nhân</p>		
<p>– Tối thiểu tủ sắt sơn tĩnh điện 9 khoang cánh cánh mở. – Tối thiểu trên mỗi cánh có 1 khóa số và 1 khe cất đồ nhanh phía trên. Kích thước: $\geq W1058 \times D450 \times H1830$ (mm) Tối thiểu chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện</p>	<p>Đáp ứng</p> <p>Không đáp ứng</p>	<p>Đạt</p> <p>Không đạt</p>

Để phục vụ cho công tác đánh giá về mặt kỹ thuật, đề nghị nhà thầu trình bày, sắp xếp các thư mục đề xuất kỹ thuật như sau:

1. Bảng chào đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu (*nhà thầu kết xuất ra file Excel hoặc Word*):

STT	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Đề xuất kỹ thuật của E-HSMT	Tham chiếu tài liệu của nhà thầu	Thông tin khác (nếu có)
A	YÊU CẦU CHUNG			
			
B	YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT			
1	Tên hàng hóa STT 1 theo E-HSMT	<p>- Tên hàng hóa: - Model/ kỹ mã hiệu: - Tên thương mại (nếu có)</p>		

		- Hãng sản xuất/ nước sản xuất - Hãng sở hữu: - Số lưu hành của hàng hóa là trang thiết bị y tế;		
	1. Cấu hình			
	Nhà thầu trích dẫn yêu cầu của E-HSMT			
	2. Yêu cầu kỹ thuật			
	Nhà thầu trích dẫn yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT	Nhà thầu chào thông số tương ứng đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT	Tài liệu.../trang số.../... (Nhà thầu ghi rõ tên tài liệu, số trang tham chiếu và trích dẫn nội dung cụ thể trong tài liệu tham chiếu thể hiện tính đáp ứng của hàng hóa với yêu cầu của E-HSMT)	
n	

2. Các thư mục phải bày cụ thể, riêng cho mỗi hàng hóa hoặc các hàng hóa cùng hãng sản xuất (hoặc đơn vị phân phối, nhập khẩu), mỗi thư mục phải bao gồm đầy đủ các nội dung sau:

- + STT hàng hóa theo E-HSMT (có thể đặt tên thư mục hoặc tên file)
- + Số đăng ký lưu hành hàng hóa là trang thiết bị y tế
- + Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật chứng nhận về đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng... của hàng hóa chào thầu.
- + Các tài liệu khác (nếu có)

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt.